

3. Xã Nam Đồng

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
1	Tỉnh lộ 490C (Đường 55 cũ)			
	Đoạn từ giáp đất xã Nam Minh đến cầu Giao Cù Trung	18.000	8.000	4.000
	Đoạn từ cầu Giao Cù Trung đến ngã tư đường Đen	19.000	8.500	4.300
	Đoạn từ ngã tư đường Đen xuống thôn Nam Phong	18.000	8.000	4.000
	Đoạn từ thôn Nam Phong đến giáp thôn 11	17.000	7.500	3.800
	Đoạn từ giáp miền Đồng Sơn đến cầu Tây	17.000	7.500	3.800
2	Tỉnh lộ 487 (Đường Đen cũ)			
	Đoạn từ cầu Lạc Chính đến ngã tư đường tỉnh lộ 490C	11.000	5.600	2.800
	Đoạn từ đường tỉnh lộ 490C đến giáp đất xã Đồng Thịnh	9.000	4.500	2.300
	Tỉnh lộ 487 tuyến mới (đoạn từ Thôn Nam Phong đến xã Đồng Thịnh)	7.000	3.500	1.800
3	Tỉnh lộ 487B (Đường Trắng cũ)			
	Tiếp giáp xã Đồng Thịnh đến TL 490C	9.000	4.500	2.300
	Từ 490C đến giáp xã Nam Minh	8.000	4.000	2.000
4	Tỉnh lộ 487B (tuyến mới) (Đường Trắng)			
	Từ đường tỉnh lộ 490C đến xã Nam Minh	9.000	4.500	2.300
5	Đường Thái Hải (đường huyện cũ)			
	Đoạn từ đường TL490C qua trụ sở UBND xã đến giáp xã Nam Ninh	8.500	4.300	2.200
6	Đường Bình Sơn			
	Đoạn từ giáp đất thôn Xứ Trưởng xã Nam Minh đến giáp đường tỉnh lộ 487	9.000	4.600	2.400
7	Đường trục xã			
	Đoạn từ ngã ba đường tỉnh lộ 490C đến nút giao đường Thái Hải	8.000	4.000	2.000
	Đoạn từ cầu Khánh Thượng đến cầu Trục Hưng (Trục Ninh)	8.000	4.600	2.300

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
	Đoạn từ trụ sở UBND xã Nam Thái cũ đến giáp xã Nam Minh (chợ Nam Trục)	7.000	3.500	1.800
	Điểm đầu Thái Hải (Thôn 6, Xuân Dương) đến giáp Nam Minh (Nam Tiến cũ)	7.000	3.500	1.750
	Đường Đồng Thái (đầu đường Thái Hải đến đường Trắng)	7.000	3.500	1.750
8	Các tuyến đường trục thôn, xóm, đường liên thôn, xóm			
	Đường Sa Lung - Dương Độ (từ Tỉnh lộ 490C giáp công trào Sa Lung đến kênh Dương Độ)	4.000	2.000	1.000
	Đường Giao Cù Thượng - Khoát (từ Tỉnh lộ 490C đến kênh Dương Độ)	4.000	2.000	1.000
	Đường Giao Cù Thượng - Khoát đoạn kéo dài (từ Tỉnh lộ 490C đến giáp xã Nam Minh)	3.000	1.500	800
	Đường sau làng Tây Lạc (từ Tỉnh lộ 490C đến đường Tỉnh lộ 487B (đường Trắng cũ))	6.000	3.000	1.500
	Đường Trục thôn Nam Phong (đoạn từ Tỉnh lộ 490C đến cổng nhà thờ Đại Đồng)	4.000	2.000	1.000
	Đường trục giữa thôn Đông Lạc (từ Tỉnh lộ 487 đến kênh cấp 2)	4.000	2.000	1.000
	Đường trục xóm Nam Giao Cù Trung (từ Tỉnh lộ 490C đến kênh Dương Độ)	3.500	1.750	875
	Đường trục thôn từ Tỉnh lộ 487 đến hết Trại Vườn	3.000	1.500	1.000
	Đường trục thôn Thượng Đồng (trước mặt trường tiểu học Nam Đồng) từ Tỉnh lộ 487 đến giáp đất nông nghiệp	3.000	1.500	1.000
9	Khu dân cư tập trung xã Đồng Sơn			
	Đoạn đường N2 (từ đường D1 đến đường D2)	10.000		
10	Điểm dân cư tập trung Chính Trang			
	Từ đường bê tông trong điểm dân cư Chính Trang	5.000	2.600	1.300
	Đường bê tông trục đường thôn	8.000		

STT	Tên đường, đoạn đường, khu vực	Giá đất ở		
		VT1	VT2	VT3
11	Khu dân cư Hải Hạ			
	Đường D1	8.000		
	Đường D2	7.000		
12	Đường từ Đền Giao Cù đến trường cấp 2 Đồng Sơn	6.000	3.000	1.500
13	Các đoạn đường, tuyến đường còn lại			
	Đường có chiều rộng mặt cắt trên 5m	3.000		
	Đường có chiều rộng mặt cắt từ 3m - 5m	2.000		
	Đường có chiều rộng mặt cắt dưới 3m	1.500		